



# **Tìm hiểu vai trò của Chi trả Dịch vụ Môi trường rừng ở Việt Nam trong thời điểm Covid-19**

**Phương pháp và hướng dẫn nghiên cứu**

Phạm Thu Thủy, Hoàng Tuấn Long, Dương Thị Bích Ngọc,  
Dương Ngọc Phước, Lê Thị Thanh Thủy và Trần Ngọc Mỹ Hoa

© 2022 Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR)



Nội dung trong ấn phẩm này được cấp quyền bởi Giấy phép bản quyền Ghi nhận công của tác giả - Phi thương mại, không chỉnh sửa, thay đổi hay phát triển - Không phát sinh 4.0. <http://creativecommons.org/licenses/by-nc-nd/4.0/>

ISBN 978-9966-108-69-2  
DOI: 10.17528/cifor/008494

Phạm TT, Hoàng TL, Dương TBN, Dương NP, Lê Thị TT và Trần Ngọc MH. 2022. *Tìm hiểu vai trò của Chi trả Dịch vụ Môi trường rừng ở Việt Nam trong thời điểm Covid-19: Phương pháp và hướng dẫn nghiên cứu*. Bogor, Indonesia: CIFOR.

Ảnh được chụp bởi Aris Sanjaya/CIFOR

CIFOR  
Jl. CIFOR, Situ Gede  
Bogor Barat 16115  
Indonesia

T +62 (251) 8622-622  
F +62 (251) 8622-100  
E [cifor@cgiar.org](mailto:cifor@cgiar.org)

**cifor.org**

Chúng tôi xin cảm ơn các nhà tài trợ đã hỗ trợ cho nghiên cứu này thông qua việc đóng góp vào quỹ của CGIAR. Xin xem danh sách các nhà tài trợ: <http://www.cgiar.org/about-us/our-funders/>

Tất cả các quan điểm thể hiện trong ấn phẩm này là của các tác giả. Chúng không nhất thiết đại diện cho quan điểm của CIFOR, các cơ quan chủ quản của tác giả hay của các nhà tài trợ cho ấn phẩm này.

# Mục lục

1	Mở đầu	1
2	Phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính với các cơ quan nhà nước và trưởng thôn	2
3	Phương pháp tiến hành họp nhóm	4
3.1	Nguyên tắc tiến hành	4
3.2	Các bước tiến hành	4
4	Phiếu hỏi hộ dân	7
4.1	Thông tin cơ bản về hộ gia đình	7
4.2	Diện tích đất đai của hộ trước và sau khi có DVMTR (trước và sau năm có DVMTR, và trước khi và sau khi có Covid)	8
4.3	Tiếp cận các dịch vụ trước và sau khi có dvmtr	9
4.4	Các loại tài sản khác	10
4.5	Sản phẩm cây trồng và thu nhập từ sản phẩm nông nghiệp trước và sau khi có DVMTR	12
4.6	Chi phí trồng trọt	13
4.7	Sở hữu vật nuôi và thu nhập	14
4.8	Thu nhập từ rừng và ngoài rừng trước và sau khi có DVMTR và trước và sau khi có Covid (đơn vị ngàn đồng/năm)	15
4.9	Sự thay đổi về rừng và thu nhập từ rừng từ khi có DVMTR	16
4.10	Thu nhập trung bình các thành viên trong hộ trong 12 tháng	19
4.11	Nguồn thu khác trong 12 tháng	20
4.12	Nhận thức về vấn đề an sinh	20
4.13	Sự tham gia và đánh giá quá trình bảo vệ rừng	20

# Lời cảm ơn

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới CGIAR - GENDER Platform, Cơ quan Phát triển Na Uy (NORAD), cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã tài trợ cho nghiên cứu này thông qua Chương trình Giảm thiểu và Thích ứng đất ngập nước bền vững (SWAMP).

# 1 Mở đầu

Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ đã đưa ra nhiều chương trình và chính sách để hỗ trợ sinh kế các cộng đồng dễ bị tổn thương và đối phó với COVID-19. Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) có tiềm năng trong việc giải quyết các tác động của Covid-19. Nghiên cứu do Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế CIFOR thực hiện để trả lời ba câu hỏi dưới đây:

1. Covid-19 đã có những tác động gì đối với các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, đặc biệt là phụ nữ và thanh niên tại Việt Nam?
2. Những tác động của chi trả DVMTR đối với sinh kế của phụ nữ trước và sau Covid-19 là gì?
3. DVMTR và các chính sách lâm nghiệp trong tương lai có thể được thực hiện như thế nào để đạt được mục tiêu xã hội tốt hơn, bao gồm bình đẳng giới và hỗ trợ sinh kế địa phương?

Để trả lời những câu hỏi nghiên cứu này, chúng tôi đã kết hợp hai phương pháp định tính và định lượng:

1. **Tổng quan tài liệu:** Chúng tôi đã xem xét các tài liệu, báo cáo về chi trả DVMTR và các chính sách hỗ trợ cộng đồng địa phương, phụ nữ và thanh niên đối phó

với Covid-19 để xác định các vấn đề đang tồn tại, đưa ra các giải pháp liên quan đến giới mà các chính sách và dự án này hướng tới.

2. **Các cuộc phỏng vấn những người cung cấp thông tin** đã được thực hiện với người dân địa phương để hiểu tác động của Covid-19 và các chính sách như DVMTR đối với người dân địa phương và rừng.
3. **Các cuộc thảo luận nhóm tập trung** được tổ chức với người dân địa phương để thảo luận về tác động của Covid-19, hiệu quả của DVMTR và các tác động khác trong việc hỗ trợ cộng đồng địa phương đối phó với Covid-19 để nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng địa phương, cụ thể là phụ nữ và thanh niên.
4. **Khảo sát hộ gia đình** tìm hiểu nhận thức của người dân địa phương về (i) Tác động của Covid-19 đối với hộ gia đình, phụ nữ và thanh niên; (ii) các biện pháp thích ứng; và (iii) hiệu quả của các chính sách, chẳng hạn như DVMTR trong thời điểm dịch bệnh Covid-19 xảy ra.

Mẫu phỏng vấn người cung cấp thông tin chính, thảo luận nhóm và khảo sát hộ gia đình được trình bày trong các phần sau.

## 2 Phỏng vấn những người cung cấp thông tin chính với các cơ quan nhà nước và trưởng thôn

1. Người phỏng vấn: .....Thời gian: .....Ngày: .....
2. Họ và tên người được phỏng vấn:
3. Giới tính:
4. Vị trí công tác:
5. Tên của tỉnh / huyện / xã / thôn:
6. Các dân tộc và tỉ lệ % của từng dân tộc:
7. Tỷ lệ nghèo của thôn/xã:
8. Tỷ lệ nam trên nữ:
9. Chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) bắt đầu ở tỉnh / huyện / xã / thôn khi nào?
10. Có bao nhiêu đơn vị cung cấp DVMTR?
11. Có bao nhiêu người sử dụng DVMTR?
12. Mức chi trả DVMTR theo thời gian
13. Tổng số tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng của tỉnh / huyện / xã / thôn từ năm 2010 đến nay (x triệu đồng)

Năm	Số tiền (VND)	Năm	Số tiền (VND)
2010		2015	
2011		2016	
2012		2017	
2013		2018	
2014		2019	
2020		2021	

14. Đối tượng chi trả là ai và số tiền nhận được là bao nhiêu (triệu VND)?

No.	Nhóm đối tượng	Số tiền chi trả
1	Hộ gia đình	
2	Cộng đồng	
3	Nhóm xã hội (Hội Nông Dân, Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên, Hội Cựu Chiến Binh)	
4	Khối tư nhân	
5	Các cơ quan chính phủ	
6	Quân đội	
7	Ủy ban nhân dân xã	
8	Đối tượng khác (xin nêu rõ)	

15. Chi trả dịch vụ môi trường đã được sử dụng như thế nào? (Vui lòng liệt kê các hoạt động / chi tiêu trên địa bàn tỉnh / huyện / xã / thôn)

Hoạt động/Chi Phí	Số tiền

16. Số tiền được quyết định chi tiêu như thế nào? (Quy trình sử dụng tiền chi trả DVMTR)

17. Tiền chi trả được quản lý ra sao? (Ai quản lý tiền DVMTR?)

18. Việc sử dụng và quản lý tiền được kiểm toán như thế nào?

- Không kiểm toán
- 1 lần/năm
- 2 lần/năm
- Các hình thức khác, xin nêu rõ.....

19. Kết quả kiểm toán sẽ được báo cáo cho ai?

20. Hãy nêu các thuận lợi chính cho việc thực hiện chi trả các DVMTR ở địa phương?

21. Hãy nêu các khó khăn chính cho việc thực hiện chi trả các DVMTR ở địa phương?

22. Từ khi có COVID, ảnh hưởng tới tỉnh / huyện / xã / thôn thế nào?

23. Khi COVID xảy ra đã có tác động nào tới đời sống của người dân?

24. Ông / bà có thể cho biết diện tích rừng và chất lượng rừng ở tỉnh / huyện / xã / thôn / bản của mình trước và sau dịch bệnh Covid -19?

25. Dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng tới phụ nữ, trẻ em như thế nào? Có sự khác biệt nào giữa tác động đối với phụ nữ và phụ nữ bản địa không?

26. Kể từ khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra, tỉnh / huyện / xã / làng của bạn có nhận được bất kỳ hỗ trợ nào từ các chương trình của nhà nước hoặc ngoài nhà nước không? Nếu có, các chương trình của nhà nước hỗ trợ phụ nữ và trẻ em trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 ra sao? Các chương trình hỗ trợ phụ nữ và trẻ em như thế nào trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19?

28. Điểm mạnh của chi trả DVMTR là gì?

29. Điểm yếu của chi trả DVMTR là gì?

30. DVMTR có đóng vai trò gì trong khi Covid-19 diễn ra không?

31. Các khuyến nghị nào về cách thực hiện tốt hơn chi trả DVMTR là gì?

32. Các khuyến nghị nào về cách có thể giảm thiểu tác động của Covid-19 là gì?

# 3 Phương pháp tiến hành họp nhóm

## 3.1 Nguyên tắc tiến hành

Tại mỗi thôn sẽ tiến hành họp nhóm đối với 2 nhóm sau đây:

- Nhóm nam
- Nhóm nữ

Mỗi nhóm sẽ có khoảng 9-12 người được chọn ngẫu nhiên đồng ý tham gia cuộc họp / nghiên cứu.

Các cuộc họp diễn trong môi trường thoải mái mà không có mặt của các quan chức chính phủ hoặc trưởng thôn.

Các nhà nghiên cứu thông báo cho dân làng rằng có thể dừng và rời cuộc họp bất cứ lúc nào.

## 3.2 Các bước tiến hành

### 3.2.1 Giới thiệu

Người điều hành bắt đầu cuộc họp và cảm ơn người tham gia đã tham dự.

Giới thiệu tóm tắt về dự án và đoàn đến làm việc cũng như mục đích và nội dung của buổi họp nhóm. Giải thích rằng buổi họp nhóm được diễn ra một cách tự nguyện và thoải mái trên cơ sở đồng ý của người tham gia

Giải thích kỹ càng về nội dung của cuộc họp nhóm, các bước tiến hành và thời gian diễn ra khoảng bao lâu. Khuyến khích người tham gia đặt câu hỏi

### 3.2.2 Lịch sử thôn bản

Bước này có các mục tiêu sau: i) giúp hiểu rõ lịch sử của thôn bản; ii) nắm được thông tin về các sự kiện chính trong thôn bản, các chương trình dự án trong đó có chương trình

DVMTR; iii) tác động của DVMTR và các chương trình lên đời sống kinh tế xã hội và môi trường trong bản.

Sau khi thực hiện xong bước lịch sử thôn bản, từ những thông tin thu thập được chúng ta sẽ đi sâu thêm để tìm hiểu sự thay đổi của các sự kiện về môi trường, sinh kế và xã hội chính của thôn bản.

Lưu ý: có thể người tham gia không nhớ chính xác thời điểm của từng sự kiện, ví dụ như DVMTR xuất hiện từ khi nào. Trong trường hợp này, nên gợi ý bằng cách nhắc lại một sự kiện lớn (ví dụ, một trận hạn hán lớn hoặc cháy rừng) và hỏi tiếp là DVMTR xuất hiện sau/trước những sự kiện này mấy năm

Các câu hỏi chính được sử dụng trong bước này gồm:

- Thôn/bản của mình được thành lập từ bao giờ?
- Từ đó tới giờ, thôn/bản mình có những sự kiện/dấu mốc nào đáng ghi nhớ và có tác động lớn đến đời sống của dân bản? (Các sự kiện có thể là các dấu mốc chính sách, thiên tai như hạn hán, bão lụt?)
- Từ trước tới giờ thôn/bản đã có những chương trình gì hỗ trợ? Có chương trình nào hỗ trợ về bảo vệ và phát triển rừng không? (lưu ý: nếu hỏi trực tiếp là có Chi trả DVMTR hay không, người dân có thể không nắm rõ nên sẽ sử dụng các câu hỏi gợi mở để có được thông tin)
- Thời kì nào là thời kì khó khăn (nghèo đói v.v.) nhất của bản? Tại sao?
- Thời kì/giai đoạn nào là thời kì sung túc (bán được nông sản v.v) nhất của bản? Tại sao?
- Thời kì nào rừng trong thôn bản tốt nhất? Tại sao?
- Thời kì nào rừng trong thôn bản xấu đi nhiều nhất? Tại sao?



### 3.2.3 Phân loại kinh tế hộ

Cắt 12 miếng bìa nhỏ rồi ghi tên 12 người tham gia vào 12 miếng bìa đó. Trên tờ giấy A0 kẻ ra 3 cột, mỗi cột ghi tiêu đề là: Hộ nghèo, Hộ trung bình, Hộ khá.

Chọn từng thẻ và thảo luận với mỗi nhóm về cách họ xếp hộ gia đình này được xếp vào bảng. Người tham dự sẽ bàn luận với nhau để xếp các hộ vào từng cột. Sau khi nhóm đã tự phân loại thì sẽ hỏi tại sao họ lại xếp các hộ trên vào dạng nghèo, trung bình hay khá? Để tìm hiểu họ sử dụng tiêu chí nào để phân loại.

Ví dụ: họ có thể cho rằng việc nhà có phương tiện giao thông, hoặc đất canh tác là tiêu chí phân biệt hộ nghèo, trung bình và khá. Những tiêu chí này có thể khác với tiêu chí chuẩn nghèo đang được áp dụng, tuy

nhiên, việc hiểu những tiêu chí này là quan trọng để nắm bắt được tình hình địa phương (bảng dưới đây).

### 3.2.4 Phân tích có sự tham gia của hộ nghèo, sinh kế hộ gia đình và sự thay đổi của môi trường

Ghi lại các tiêu chí phân loại hộ nghèo xuống cuối trang giấy, rồi cùng nhóm vẽ bậc thang, thể hiện cách thoát nghèo của hộ dân (xem hình dưới):

Đặt câu hỏi nếu người tham gia có một số tiền nhỏ thì họ sẽ làm gì để thoát nghèo? (Cần nhấn mạnh rằng số tiền rất nhỏ - khoảng 1 triệu đồng - thì họ sẽ ưu tiên chi cho việc gì trước). Sau khi đã đạt được mức đầu tiên, nếu lại có thêm một khoản tiền như vậy, anh chị sẽ tiếp tục ưu tiên chi tiêu cho việc gì?

Bảng 1. Phân loại hộ gia đình

Hộ khá	Hộ trung bình	Hộ nghèo
Nguyễn Văn A Vi Văn B Bùi Văn C Lương Văn D	...Nguyen Thi Lan	Hong Thi My Hanh

Bảng 2. Tiêu chí giàu nghèo

Tiêu chí	Nghèo	Trung bình (đủ sống)	Giàu
Thu nhập	Thu nhập dưới 400000 VND/tháng	Trên 400000 VND/tháng	1 triệu đồng/tháng trở lên Trong hộ có người làm cán bộ
Tiếp cận dịch vụ cơ bản	Không có điện dùng Dùng nước lấy từ sông suối	Có điện sử dụng Dùng nước giếng khoan	Có điện sử dụng Có máy xử lý nước
Tài sản	Nhà tranh Không có trâu bò Không có đất ruộng, chỉ có chưa đến 3 mảnh nương	Nhà sàn Có 1 -2 trâu bò Có 1 mảnh ruộng, hơn 3 mảnh nương	Nhà ngói trở lên Có 5-6 trâu bò trở lên Có nhiều ruộng, nương
Giáo dục	Không ai được đi học	Có người học hết cấp 2	Có người học hết cấp 3
.....	....	....	.....

Tiếp tục hỏi như vậy cho tới khi họ tiến tới mức giàu có/khá giả thì dừng lại (khoảng 5-6 lần hỏi = lên 5 – 6 bậc thang). Trên biểu đồ hình thang, hỏi người dân theo họ đến mức nào thì họ cho rằng họ đã thoát nghèo và đến mức nào họ cho rằng họ đã thực sự giàu có/khá giả

Bước	
10	Mở rộng kinh doanh, gây được thương hiệu
9	Ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào việc chăn nuôi sản xuất
8	Sở hữu được những phương tiện thông tin hiện đại (điện thoại, TV)
7	Tiết kiệm, mua bảo hiểm
Từ trung bình lên mức khá giả	
6	Mua xe máy
5	Xây nhà, mua thêm trang thiết bị cho nhà bếp và nhà vệ sinh
Thoát nghèo	
4	Mua trâu bò
3	Mua phân và máy nông nghiệp
2	Mua thêm đất
1	Có ít đất, nhiều miệng ăn, nhà nhỏ, ốm đau

Tiếp tục sau đó hỏi từng hộ các câu hỏi dưới đây:

- Tại các dấu mốc lịch sử (kết quả thu được từ lịch sử thôn bản, họ đang ở mốc số mấy trong thang chiến lược xóa nghèo nói trên? Tại sao họ lại có thể thoát nghèo hoặc nghèo đi?
- Họ đã ở mức thang nào trước khi có DVMTR và ở mức thang nào sau khi có DVMTR ?
- Họ đã ở mức thang nào trước thời kỳ dịch bệnh Covid-19 diễn ra và ở mức thang nào sau khi Covid-19 diễn ra ?
- Nhờ có DVMTR họ đã chuyển từ mức thang thế nào ?
- Họ dự định chuyển lên bậc thang trước và sau Covid-19 như thế nào?

### 3.2.5 Phân tích SWOT

Các câu hỏi chính được sử dụng như sau:

- Điểm mạnh của DVMTR là gì?
- Điểm yếu của DVMTR là gì?
- Cơ hội cho DVMTR là gì?
- Rủi ro của DVMTR là gì?
- Làm sao để người dân tích cực tham gia hơn vào DVMTR?
- Trong bối cảnh COVID, DVMTR có tác động tích cực hay tiêu cực gì không ?

### 3.2.6 Các tác động của dịch bệnh Covid-19

- Làng đã thay đổi như thế nào kể từ khi có chi trả DVMTR?
- Covid-19 đã ảnh hưởng đến ngôi làng như thế nào?
- Làng có nhận được bất kỳ hỗ trợ nào không (ví dụ: hỗ trợ của chính phủ, các hỗ trợ khác) kể từ COVID-19? Hiệu quả của chúng như thế nào? Điểm mạnh và điểm yếu của chúng là gì?
- Covid-19 đã ảnh hưởng đến cuộc sống của mọi người như thế nào?
- Có sự thay đổi nào về diện tích rừng và chất lượng rừng trước và sau Covid-19 không? Tại sao?
- Covid-19 đã ảnh hưởng đến phụ nữ và trẻ em, đặc biệt là phụ nữ bản địa như thế nào?
- DVMTR có giúp ích cho người dân địa phương và thôn bản trong COVID-19 không? nếu đúng thì tại sao ? nếu không, tại sao không?
- Làng hoặc dân làng có được nhận bất kỳ chương trình hỗ trợ hoặc bảo tồn nào không? Chúng là gì? Chúng hoạt động như thế nào? Ưu và nhược điểm của các chương trình này là gì? Chúng có thể giải quyết các tác động của Covid-19 không?
- DVMTR có đóng bất kỳ vai trò nào trong Covid-19 không? Vui lòng giải thích.
- Khuyến nghị về cách các chương trình của chính phủ và DVMTR có thể giải quyết tốt hơn Covid-19 và nâng cao chất lượng rừng là gì?